

Hoạt động kinh tế ở gia đình ở nông thôn vùng Bù Đốp

Trần Quy Long

Viertel und Familie

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng số liệu từ cuộc khảo sát xã hội ở Trảng Xá trong khuôn khổ dự án “Nghiên cứu biến đổi gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi” thực hiện 9/2008. Cuộc khảo sát bao gồm 302 hộ gia đình, với 1242 thành viên. Kết quả phân tích hồi quy đã chỉ ra rằng hoạt động kinh tế ở gia đình ở nông thôn vùng Bù Đốp có liên quan chặt chẽ với các đặc điểm nhân khẩu học và xã hội của gia đình. Tỷ lệ lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ tăng cao, trong khi tỷ lệ lao động trong nông nghiệp giảm. Kết quả phân tích cho thấy, chủ yếu là phụ nữ và người cao tuổi, gia đình có người phụ nữ và người cao tuổi có xu hướng tham gia vào các hoạt động kinh tế ở gia đình. Ý thức tiết kiệm và tích lũy của chủ hộ không có ảnh hưởng đến các nguồn thu nhập của hộ gia đình. Tỷ lệ tham gia của người lao động của người trưởng thành và người nam giới. Những người có tuổi cao, hoạt động cao của người tham gia lao động cao tuổi. Mặc dù vậy, gia đình có người phụ nữ hay không, loại hình kinh tế ở gia đình không có ảnh hưởng đến sự tham gia lao động của các thành viên gia đình.

Từ khóa: Kinh tế ở gia đình, kinh tế ở gia đình, hoạt động kinh tế ở gia đình

1. Àùàvèè àìì

Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, là một lực lượng to lớn trong việc quản lý và sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Dưới tác động của chính sách Đổi mới qua từng giai đoạn, kinh tế hộ đã và đang vận động theo cơ chế thị trường. Sự tác động của thị trường đang làm kinh tế hộ phân hoá ngày một rõ rệt và mạnh mẽ (Chu Tiến Quang và cộng sự, 2007).

Công cuộc thực hiện chuyển đổi cơ chế kinh tế ở Việt Nam đã có những tác động mạnh mẽ đến đời sống nông thôn nói chung và hộ gia đình nói riêng. Hộ gia đình ở nông thôn có xu hướng đa dạng hoá các hoạt động kinh tế, phát triển nhiều hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp (Chu Tiến Quang và cộng sự, 2007). Đồng thời, hộ gia đình vẫn giữ các hoạt động sản xuất nông nghiệp như là cơ sở cho mọi hoạt động kinh tế hộ gia đình. Cơ cấu kinh tế hộ gia đình hình thành ba nhóm chủ yếu, thứ nhất là những hộ tập trung vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thứ hai là những hộ kết hợp nông nghiệp với chăn nuôi và các hoạt động phi nông nghiệp. Thứ ba là các hộ chỉ tập trung vào sản xuất phi nông nghiệp. Cơ cấu tỷ lệ giữa ba loại kinh tế hộ gia đình luôn biến đổi theo thời gian (Nguyễn Đức Truyền, 2003). Ngoài việc chỉ ra ba nhóm cơ cấu kinh tế hộ gia đình nêu trên, nhiều nghiên cứu còn cho thấy kinh tế hộ gia đình ở nông thôn có các đặc điểm như sử dụng lao động gia đình trong gia đình là chủ yếu, động viên mọi người trong gia đình tham gia lao động bao gồm cả người già và trẻ em (Viện Kinh tế học, 1995; Nguyễn Đức Truyền, 2002); lao động trong các gia đình thường là hỗn hợp, ít có gia đình nào chỉ làm một nghề duy nhất (Đặng Cảnh Khanh và cộng sự, 2007).

Một trong những nhân tố quan trọng góp phần làm giảm nghèo là sự tăng lên của công ăn việc làm. Việc làm ở nông thôn Việt Nam gồm rất nhiều hoạt động, từ công việc đồng áng của các thành viên trong gia đình để tự cung tự cấp đến việc làm phi cấu trúc hoặc việc làm trong cơ sở kinh doanh gia đình. Đóng góp kinh tế của các thành viên là điều kiện để duy trì đời sống vật chất gia đình, có thể bằng các hoạt động sản xuất được tổ chức ở phạm vi trong gia đình hoặc ngoài gia đình (Trần Thị Vân Anh, 2008). Trong kinh tế hộ nông dân, chỉ trừ các em nhỏ chưa đủ tuổi đi học và người già không còn khả năng sinh hoạt bình thường, còn tất cả mọi thành viên đều tham gia vào một số công việc trong gia đình phù hợp với khả năng và trách nhiệm của mỗi người (Nguyễn Đức Truyền, 2003).

Nghiên cứu này tập trung phân tích các khía cạnh của hoạt động kinh

tế hộ gia đình với các câu hỏi được đưa ra bao gồm: Loại hộ gia đình nào có xu hướng đa dạng hóa loại hình kinh tế hộ và các yếu tố tác động đến khả năng đa dạng loại hình kinh tế của hộ gia đình? Các đặc trưng của hộ gia đình và cá nhân có ảnh hưởng như thế nào đến tỷ lệ tham gia lao động của các thành viên trong gia đình?

2. *Àì ì ì ì ì ì*

Theo lý thuyết của Chayanov, nền kinh tế nông dân là một hệ thống cụ thể, trong hệ thống đó lao động và tư liệu sản xuất kết hợp với nhau theo một quá trình phát triển gia đình tự nhiên. Ông cho rằng hệ thống tổ chức của hình thái kinh tế nông dân do quy mô cấu trúc của gia đình, các nhu cầu tiêu dùng và số lượng lao động quy định (dẫn theo Bùi Quang Dũng, 2007). Theo Chayanov, do đặc điểm tự cung tự cấp và những hạn chế của sức sản xuất hộ gia đình (chủ yếu là lao động cơ bắp), kinh tế nông dân về cơ bản nhằm cân bằng khả năng lao động và nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình mà không nhằm vào hạch toán lợi nhuận như trường hợp của xí nghiệp tư bản chủ nghĩa. Sản xuất gia đình vừa bị thúc đẩy chủ yếu bởi nhu cầu tiêu dùng trong hộ gia đình vừa bị giới hạn bởi mức độ nặng nhọc của công việc sản xuất nông nghiệp nên xu hướng phát triển của nó là dừng lại ở sự tự khai thác khả năng lao động của mỗi thành viên hay bảo đảm sự cân bằng giữa lao động và tiêu dùng theo tỷ lệ 1/1 (dẫn theo Nguyễn Đức Truyền, 2002).

Cơ cấu xã hội nghề nghiệp của các nhóm kinh tế hộ gia đình không chỉ phản ánh năng lực và chiến lược sản xuất của các nhóm dân khác nhau mà còn phản ánh những nhân tố xã hội tác động đến quá trình phát triển của kinh tế hộ hiện nay. Điều này cũng hàm ý là vai trò của những người chủ gia đình trong tổ chức lao động gia đình và trong việc đưa ra những chiến lược sản xuất (Nguyễn Đức Truyền, 2003). Việt Nam là một trong những nước châu Á còn tồn tại các phong tục và nghi lễ truyền thống. Tôn ti trật tự trong gia đình phụ thuộc vào quyết định của người chủ gia đình như con cái trong gia đình làm nghề gì, họ sống và làm ở đâu, học ngành gì (Vũ Đức Khánh và những người khác, 2002). Vì vậy các quyết định của chủ hộ là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới việc làm và thu nhập của hộ gia đình; huy động những thành viên tham gia lao động. Sự sáng suốt của các quyết định này lại phụ thuộc nhiều vào đặc điểm của chủ hộ (như tuổi, giới tính, học vấn, và nghề nghiệp). Các yếu tố cấu thành kinh tế hộ gia đình cũng sẽ phụ thuộc vào những đặc trưng của các thành viên gia đình khác và đặc trưng của hộ.

Do nền kinh tế Việt Nam đang phát triển từ mức khởi điểm thấp chủ yếu dựa vào nông nghiệp nên nó bị chi phối bởi sản xuất mang tính sử dụng nhiều lao động. Tỷ lệ nữ tham gia lao động cao hơn nam giới ở thành thị lẫn nông thôn (FAO/UNDP, 2002). Một phân tích khác cho thấy ở nông thôn công việc chủ yếu là nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực của hộ gia đình nên cũng có ít sự khác biệt về giới trong tỷ lệ tham gia lao động. Bên cạnh đó, đặt trong bối cảnh sản xuất kinh doanh tại hộ gia đình ở nông thôn thì việc phối hợp lao động giữa vợ và chồng mang lại thu nhập cho gia đình là điều cần thiết (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2008).

Trình độ học vấn có mối quan hệ với tỷ lệ tham gia làm việc của các thành viên và thu nhập của hộ gia đình (Hoàng Văn Kinh và những người khác, 2002). Tỷ lệ người làm việc tăng lên khi trình độ học vấn ở mức cao. Các hộ với chủ hộ có trình độ học vấn cao hoặc có thâm niên làm việc nhiều hơn có xu hướng có thu nhập bình quân đầu người cao hơn. Giáo dục là yếu tố hữu hiệu trong việc tăng thu nhập, đặc biệt ở mức trung học cơ sở, với trình độ học vấn cao hơn, người lớn có xác suất làm việc cao hơn. Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (1995) cho rằng giáo dục nâng cao đời sống của nhân dân, đặc biệt là người nghèo bằng cách nâng cao sức lao động, giảm tỷ lệ sinh, tăng cường sức khỏe và bằng cách trang bị để con người tham gia một cách đầy đủ vào nền kinh tế và xã hội (dẫn theo Bùi Thái Quyên, 2002).

Những hộ quy mô lớn có xu hướng có tỷ lệ người làm việc thấp hơn. Hộ có quy mô lớn hơn sẽ có thu nhập cao hơn do các hộ này có thể khai thác được lợi thế kinh tế nhờ quy mô, hoặc cần có thu nhập nhiều hơn để chi phí cho những người phụ thuộc trong hộ (Hoàng Văn Kinh và những người khác, 2002). Vì thế quy mô hộ có khả năng ảnh hưởng đến tỷ lệ tham gia lao động của các thành viên gia đình.

Mức sống của hộ gia đình có mối quan hệ với các yếu tố cấu thành kinh tế hộ gia đình. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nhóm hộ nghèo nhất tăng giữa hai kỳ điều tra mức sống dân cư (năm 1993 và năm 1998) nhưng lại giảm ở nhóm hộ giàu nhất. Có lẽ cách giải thích tốt nhất cho hiện tượng này là do sự bùng nổ kinh tế đã thu hút những người nghèo tham gia vào lực lượng lao động vì họ sẵn sàng làm bất kỳ việc gì để kiếm sống (Vũ Đức Khánh và những người khác, 2002). Lao động làm hai việc trở lên được nhìn nhận là phổ biến như nhau ở các nhóm thu nhập, trừ nhóm giàu nhất. Hiện tượng làm nhiều việc không có nhiều ở nhóm giàu hơn, chỉ có một phần tư số lao động trong nhóm hộ giàu nhất (tính theo chi tiêu bình quân) làm hai việc trở lên so với tỷ lệ hai phần năm của nhóm lao động

còn lại (Vũ Đức Khánh và những người khác 2002).

3. Thử nghiệm nghiên cứu

3.1. Giả thuyết, biến số

Loại hình kinh tế hộ gia đình là một biến số mới được xây dựng từ các biến số thu nhập từ nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) và thu nhập từ phi nông nghiệp. Nếu gia đình chỉ có thu nhập từ nông nghiệp thì loại hình kinh tế của gia đình được xác định là thuần nông, nếu gia đình có cả hai loại hình thu nhập thì được coi là gia đình có loại hình kinh tế hỗn hợp, và gia đình không có nguồn thu nhập từ nông nghiệp thì loại hình kinh tế gia đình được xem là phi nông nghiệp.

Nhóm biến số giải thích liên quan đến các đặc điểm của hộ gia đình bao gồm hai nhóm: các đặc trưng của chủ hộ và các thành viên gia đình như giới tính, tuổi, học vấn, nghề nghiệp và các đặc trưng chung của hộ bao gồm quy mô hộ, mức sống, tỷ lệ phụ thuộc, trình độ học vấn của các thành viên trong hộ gia đình.

3.2. Số liệu, phương pháp phân tích

Số liệu dùng để phân tích được sử dụng từ cuộc khảo sát tại xã Trịnh Xá trong khuôn khổ dự án “Nghiên cứu biến đổi gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi” thực hiện 9/2008. Cuộc khảo sát đã phỏng vấn 302 hộ gia đình, với 1242 thành viên hộ gia đình. Nội dung khảo sát bao gồm nhiều chỉ tiêu khác nhau, trong đó có vấn đề tham gia làm việc của các thành viên, làm thêm nghề phụ của người trả lời và vợ/chồng người trả lời, cơ cấu và mức thu nhập của hộ gia đình.

Cơ cấu mẫu được dùng để phân tích sự đa dạng của các loại hình kinh tế hộ gia đình là 302 hộ. Thông qua phỏng vấn những người đại diện hộ gia đình về sự tham gia làm việc của từng thành viên gia đình từ 10 tuổi trở lên trong 12 tháng qua, kết quả là trong số 1073 thành viên hộ gia đình có 734 người (68,4%) đã tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình.

Kỹ thuật phân tích mô tả mặc dù thông dụng nhưng không cho phép lý giải chính xác các phát hiện và nhất là không loại trừ ảnh hưởng của các yếu tố khác. Phân tích đa biến sẽ cho thấy tác động đầy đủ hơn của từng biến số độc lập khi đã tính đến tác động của các biến số khác. Phương pháp đánh giá mối quan hệ giữa tỷ lệ đa dạng hóa các hoạt động kinh tế hộ; sự tham gia làm việc của các thành viên gia đình với các biến số độc lập là hồi quy đa biến logistic.

4. Kĩ ãquãnghĩ n cũã

4.1. Loại hình kinh tế hộ gia ãnh

Đã ãng hóa nguồn thu nhập của hộ gia ãnh là sự thích ứng với những hạn chế ngày càng nhiều trong sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế ãng chuyển ãổi. Khảo sát ở 302 hộ gia ãnh ở Trĩnh Xá cho thấy có ãến 83,1% hộ gia ãnh có nguồn thu nhập từ phi nông nghiệp, 16,9% gia ãnh chỉ có một nguồn thu nhập từ nông nghiệp. Qua ãó cho thấy các hộ gia ãnh ãã xây ãựng các chiến lược sinh kế phù hợp với nguồn vốn nhân lực, vốn xã hội, vốn tài sản, vốn tài chính của họ và ãối phó với những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, thất bại trong thị trường, phù hợp với những chuẩn

Bảng 1. Đặc trưng chủ hộ, hộ gia ãnh và khả năng ãã ãng hóa hoạt ãộng kinh tế

Yếu tố	Biến số	Phần trăm
Giới tính chủ hộ	Nam	83,5
	Nữ	81,2
Tuổi chủ hộ	<=40 tuổi	92,2
	41-49 tuổi	82,5
	50+ tuổi	73,7
Học vấn chủ hộ	<=Cấp I	70,8
	Cấp II	86
	Cấp III+	92,1
Nghề nghiệp chủ hộ	Nông nghiệp	81,2
	Phi nông nghiệp	89,2
Tỷ lệ phụ thuộc	0	76,7
	< 0.5	82,6
	0.5+	89,2
Thu nhập	Nhóm 1	66,7
	Nhóm 2	85,7
	Nhóm 3	75,9
	Nhóm 4	91,9
	Nhóm 5	94,9

mục xã hội mới và đương đầu với những rủi ro không được bảo hiểm. Kết quả này cũng phù hợp với xu thế hiện nay là có sự dịch chuyển rõ rệt của lực lượng lao động nông nghiệp sang khu vực làm công ăn lương hoặc hoạt động trong các lĩnh vực phi nông nghiệp tự làm. Ngoài ra, quá trình hiện đại hóa và đổi mới trong nhận thức liên quan đến việc làm cũng như trong tạo việc làm đã đem đến sự thay đổi sâu rộng và căn bản, người lao động đã năng động hơn tự tìm việc làm ngoài nông nghiệp cho bản thân mình.

Nhìn chung không có sự khác biệt giữa giới tính chủ hộ và khả năng hộ gia đình đa dạng hóa hoạt động kinh tế (Bảng 1). Tuổi của chủ hộ có ảnh hưởng đến sự tham gia tìm kiếm thêm thu nhập ngoài nông nghiệp của hộ gia đình, đối với nhóm chủ hộ 40 tuổi trở xuống, tỷ lệ hộ gia đình có thu nhập từ nguồn thu hỗn hợp cao nhất (92,2%), tỷ lệ này giảm xuống còn khoảng 82% đối với chủ hộ 41-49 tuổi và 73% đối chủ hộ 50 tuổi trở lên.

Các chủ hộ có trình độ học vấn cao hơn có xu hướng định hướng gia đình lao động kết hợp nông nghiệp và phi nông nghiệp nhiều hơn, trong khi đó các hộ gia đình do chủ hộ có học vấn thấp thường chỉ sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Tỷ lệ những gia đình có thu nhập thêm từ phi nông nghiệp, tăng từ 70% ở những gia đình chủ hộ có học vấn từ cấp 1 lên đến 92% ở hộ gia đình chủ hộ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Những gia đình có chủ hộ làm nghề phi nông có tỷ lệ đa dạng hóa loại hình kinh tế gần 90%, tỷ lệ này ở gia đình có chủ hộ làm nông nghiệp khoảng 81%.

Hộ gia đình càng có nhiều người phụ thuộc (người già, trẻ em) càng có xu hướng đa dạng hóa hoạt động kinh tế hộ nhiều hơn. Nếu như trong gia đình không có tỷ lệ phụ thuộc thì chỉ có khoảng 76% số hộ làm thêm nghề phi nông nghiệp, nhưng khi gia đình có 0,5 người phụ thuộc thì tỷ lệ này tăng lên gần 83% và tăng lên gần 90% nếu có hơn 0,5 người phụ thuộc trong gia đình.

Tỷ lệ gia đình có thu nhập thêm từ phi nông nghiệp cao hơn ở những nhóm thu nhập cao hơn, cụ thể, 66,7% gia đình ở nhóm thu nhập thấp nhất có nguồn thu phi nông nghiệp, trong khi ở nhóm 5 (nhóm có thu nhập cao nhất) tỷ lệ này đạt gần 95%.

Bảng 2 trình bày mô hình hồi quy logistic về sự tác động của các yếu tố đến xu hướng làm thêm nghề phi nông nghiệp của hộ gia đình nông thôn ở Trịnh Xá. Các yếu tố được đưa vào mô hình bao gồm: giới tính, tuổi, học vấn, nghề nghiệp của chủ hộ; các yếu tố liên quan đến gia đình như mức sống, tỷ lệ phụ thuộc.

Bảng 2. Mô hình hồi quy logistic về tác động của các yếu tố đến khả năng đa dạng hóa hoạt động kinh tế hộ gia đình

Yếu tố	Biến số	Hệ số	Hệ số Exp(B)
Giới tính chủ hộ	Nữ	.146	1.157
Tuổi chủ hộ	<=40 tuổi (ref.)		
	41-49 tuổi	-.771	.462***
	50+ tuổi	-1.562	.210***
Học vấn chủ hộ	<=Cấp I (ref.)		
	Cấp II	.989	2.687***
	Cấp III+	1.328	3.774***
Nghề nghiệp chủ hộ	Phi nông nghiệp	.104	1.110
Tỷ lệ phụ thuộc	0 (ref.)		
	< 0.5	.557	1.746***
	0.5+	.327	1.387***
Thu nhập	Nhóm 1 (ref.)		
	Nhóm 2	1.444	4.236***
	Nhóm 3	.853	2.346***
	Nhóm 4	2.348	10.469***
	Nhóm 5	2.756	15.729***
<i>Constant</i>		2.165	8.714***
N=302; R ² =0.16			

Ghi chú: (ref.): Nhóm so sánh. Mức ý nghĩa: *** p<0,001.

Không có sự khác biệt giữa giới tính chủ hộ và khả năng hộ gia đình đa dạng hóa hoạt động kinh tế. Nói cách khác yếu tố giới tính của chủ hộ không có ảnh hưởng đến sự đa dạng hoạt động kinh tế hộ gia đình, vì tác động không có ý nghĩa thống kê.

Mô hình cho thấy tuổi và học vấn của chủ hộ có ảnh hưởng đến sự mở rộng hoạt động kinh tế hộ sang lĩnh vực phi nông nghiệp (p<0,001). Những gia đình do chủ hộ trẻ tuổi hơn và học vấn cao hơn có xác suất đa dạng hóa kinh tế hộ gia đình hơn. So với nhóm chủ hộ 40 tuổi trở xuống, khả năng đa dạng hóa kinh tế hộ của nhóm chủ hộ tuổi 41-49 thấp hơn

0,46 lần và của nhóm chủ hộ 50 tuổi trở lên thấp hơn 0,21 lần. Như vậy, nhóm chủ hộ trẻ tuổi hơn có định hướng cho gia đình hoạt động ngoài lĩnh vực tự cung tự cấp nông nghiệp nhiều hơn.

Các chủ hộ có trình độ học vấn cao hơn có xu hướng định hướng gia đình lao động kết hợp nông nghiệp và phi nông nghiệp nhiều hơn, trong khi đó các hộ gia đình do chủ hộ có học vấn thấp thường chỉ sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. So với nhóm chủ hộ mới học xong cấp 1, hệ số tham gia hoạt động phi nông nghiệp của những chủ hộ gia đình tốt nghiệp cấp 2 và cấp 3 trở lên lần lượt là 2,6 và 3,7.

Khi tính đến các tác động của của các yếu tố khác, yếu tố nghề nghiệp của chủ hộ lại không có ảnh hưởng đến khả năng đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình, hệ số của biến số nghề phi nông nghiệp của chủ hộ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với biến số nghề nông nghiệp (biến so sánh).

Mô hình phân tích cũng cho thấy tỷ lệ phụ thuộc (người già, trẻ em) có tác động tích cực đến khả năng tham gia hoạt động phi nông nghiệp của hộ gia đình. So với những gia đình không có người phụ thuộc, hệ số tham gia hoạt động phi nông nghiệp của những hộ có người phụ thuộc cao hơn khoảng 1,5 lần.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy xác suất có thu nhập từ phi nông nghiệp cao hơn ở những nhóm thu nhập cao hơn. Mỗi quan hệ này có ý nghĩa thống kê với hệ số tăng từ 4,2 lên đến 15,7 so với hệ số 1 của nhóm thu nhập thấp nhất. Điều này có thể được giải thích là do khi mức sống cao lên, hộ gia đình có tiềm lực tài chính mạnh hơn, có điều kiện nâng cao kiến thức và vốn con người, vốn xã hội, do vậy có nhiều khả năng tham gia hoạt động phi nông nghiệp hơn. Đa dạng hóa thu nhập từ phi nông nghiệp và vấn đề mức sống hộ gia đình là mối quan hệ nhân quả hai chiều, một mặt thu nhập gia tăng giúp người ta có điều kiện tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp nhiều hơn, và mặt khác, khi tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp lại tạo điều kiện để người dân có thể cải thiện hơn nữa về mặt thu nhập. Xu hướng chung như trình bày trong bảng 1 là nhóm các hộ giàu hơn cũng là nhóm tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp nhiều hơn. Điều này không chỉ đúng với những hoạt động tự làm, tự kinh doanh phi nông nghiệp mà còn đúng với các hoạt động làm công, làm thuê. Việc những gia đình có thu nhập cao hơn có xu hướng tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp nhiều hơn có thể được giải thích rằng gia đình khá giả hơn thì có các điều kiện về tài chính và học vấn tốt hơn để thực hiện các

hoạt động phi nông nghiệp, còn những gia đình nghèo do thiếu vốn, thiếu các điều kiện về đất đai, học vấn, ... nên ít có điều kiện thực hiện các công việc phi nông nghiệp.

4.2. Tham gia lao động của các thành viên gia đình

Tỷ lệ tham gia lao động của các thành viên gia đình từ 10 tuổi trở lên ở địa bàn nghiên cứu là 68,4%, nếu tính trong độ tuổi lao động thì tỷ lệ này còn cao hơn nữa, khoảng 82%, điều này cho thấy thất nghiệp chính thức ở nông thôn thấp và đây là một thị trường lao động linh hoạt.

Bảng 3 cho thấy, không có sự khác biệt giữa nam và nữ trong tỷ lệ tham

Bảng 3. Đặc trưng các thành viên gia đình và khả năng tham gia lao động

Yếu tố	Biến số	Phần trăm
Giới tính	Nam	68,1
	Nữ	68,2
Tuổi	10-17 tuổi	10,1
	18-30 tuổi	69
	31-40 tuổi	99,4
	41-50 tuổi	99,2
	> 50 tuổi	76,1
Học vấn	<=Cấp I	51
	Cấp II	80,8
	Cấp III+	64,3
Quy mô hộ	1-3 người	86,1
	4 người	65,6
	>= 5 người	62,3
Tỷ lệ phụ thuộc	0	77,8
	< 0.5	65,9
	0.5+	63,1
Thu nhập	Nhóm 1	70,7
	Nhóm 2	65,7
	Nhóm 3	66,1
	Nhóm 4	66,8
	Nhóm 5	73,3
Loại hình kinh tế hộ	Nông nghiệp	67,6
	Hỗn hợp	68,6

gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình, nam và nữ đều tham gia lao động ở mức chung là 68%. Hoạt động kinh tế và việc làm của các thành viên gia đình phụ thuộc vào độ tuổi của họ, trẻ em trong độ tuổi 10-17 tham gia hoạt động kinh tế với tỷ lệ 10%, kết quả này phản ánh một số thanh thiếu niên đang đi học nhưng vẫn tham gia lao động bán thời gian để kiếm sống và có thêm thu nhập cho gia đình. Tỷ lệ tham gia lao động của các thành viên gia đình lớn tuổi hơn gần như đạt một trăm phần trăm ở những nhóm tuổi từ 31 đến 50 tuổi. Tỷ lệ này ở nhóm 18-30 tuổi giảm xuống còn khoảng 70% và ở nhóm 50 tuổi trở lên là 76%, kết quả này là do một số người đang đi học hoặc tuổi cao nên không tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình.

Những người tốt nghiệp cấp 2 có tỷ lệ tham gia lao động cao nhất, gần 81%, tiếp theo là nhóm tốt nghiệp cấp 3 trở lên với 64,3%, tỷ lệ này thấp hơn nhóm tốt nghiệp cấp 2 có thể là do trẻ em trong gia đình đang đi học. Điều này cũng cho thấy một số thanh thiếu niên trong gia đình đã học xong cấp 3 và đang trong quá trình tìm việc làm hoặc thất nghiệp tạm thời.

Những gia đình không có người phụ thuộc có tỷ lệ thành viên tham gia lao động cao nhất (77,8%), tỷ lệ này giảm xuống khoảng mười điểm phần trăm đối với những gia đình có tỷ lệ phụ thuộc từ 0,5 trở xuống và giảm xuống 63% đối với những gia đình có một nửa người phụ thuộc trở lên.

Các yếu tố loại hình kinh tế và thu nhập hộ gia đình không có mối quan hệ với tỷ lệ tham gia lao động của các thành viên, nghĩa là gia đình làm nông nghiệp hay làm thêm nghề phi nông nghiệp, gia đình có mức thu nhập cao hay thấp đều có tỷ lệ tham gia lao động như nhau. Điều này phản ánh có nhiều người làm việc để đạt được mức thu nhập tối thiểu cần thiết cho gia đình.

Kết quả phân tích hồi quy đa biến ở bảng 4 xem xét các yếu tố quyết định tỷ lệ thành viên hộ gia đình từ 10 tuổi trở lên có tham gia làm việc đóng góp thu nhập cho gia đình hay không, mô hình có mức độ lý giải tương đối cao với $R^2 = 0,51$. Các ảnh hưởng của biến số tuổi khá mạnh, với tỷ lệ số người làm việc cao hơn ở nhóm tuổi cao hơn nhóm 10-30 tuổi. Khả năng làm việc cao hơn ở những nhóm có học vấn cao hơn nhóm cấp 1, tác động này rất có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$), giả thiết ở đây là những người có học vấn cao hơn dễ tiếp cận với nhiều loại hình công việc hơn và có khả năng tìm được việc làm thú vị với tiền công cao hơn. Qua đó ta thấy vốn nhân lực của cá nhân có ảnh hưởng đến khả năng có việc làm của họ.

Bảng 4. Mô hình hồi quy logistic về những yếu tố tác động đến khả năng làm việc của các thành viên hộ gia đình

Yếu tố	Biến số	Hệ số	Hệ số Exp(B)
Giới tính	Nữ	.262	1.300
Tuổi	10–30 tuổi (ref.)		
	31–40 tuổi	6.409	607.468***
	41–50 tuổi	5.554	258.163***
	>=50 tuổi	2.184	8.878***
Học vấn	<=Cấp I (ref.)		
	Cấp II	2.007	7.442***
	Cấp III+	1.411	4.102***
Quy mô hộ	1–3 người (ref.)	–1.433	.239
	4 người	–2.349	.095*
	>= 5 người	–2.231	.107*
Tỷ lệ phụ thuộc	0 (ref.)		
	< 0.5	–.186	.830
	0.5+	–.260	.771
Thu nhập	Nhóm 1 (ref.)		
	Nhóm 2	–.425	.654
	Nhóm 3	–.247	.781
	Nhóm 4	–.520	.594
	Nhóm 5	–.042	.959
Loại hình kinh tế hộ	Hỗn hợp	.141	1.151
Constant		3.388	29.598***
N=1073, R ² =0.51			

Ghi chú: (ref.): Nhóm so sánh. Mức ý nghĩa: *p<0.05; *** p<0,001.

Biến số quy mô hộ gia đình cũng rất quan trọng. Những hộ có quy mô lớn có xu hướng có tỷ lệ thành viên gia đình làm việc thấp hơn, phản ánh số người phụ thuộc trong gia đình đã ảnh hưởng đến sự tham gia làm việc của các thành viên khác do phải chăm sóc con nhỏ, người già. Hoặc nói cách khác, những gia đình quy mô lớn với nhiều người già và trẻ con sẽ có

tỷ lệ tham gia lao động ít hơn. Kết quả này phù hợp với chu kỳ sống, những cặp vợ chồng không có con ở cùng do còn quá trẻ hoặc con đã ra ở riêng có lẽ phải tham gia lao động nhiều hơn. Một khi đứa con bắt đầu tham gia lao động thì đây có thể là giai đoạn tương đối an nhàn đối với bố mẹ.

Kết quả phân tích cho thấy ảnh hưởng của biến số giới tính chủ hộ, tỷ lệ phụ thuộc, mức thu nhập hay loại hình kinh tế hộ gia đình không có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ thành viên gia đình tham gia làm việc của hộ. Nó chỉ ra xu hướng là gia đình có đặc điểm khác nhau nhưng tỷ lệ tham gia lao động của các thành viên gia đình là giống nhau.

5. Kết luận

Kinh tế hộ gia đình phát triển ở nông thôn đã tạo ra những bước đột phá mới trong việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình, sự phát triển của nó đã có những đóng góp tích cực vào nền kinh tế quốc dân.

Các hộ gia đình ở địa bàn nghiên cứu có tỷ lệ đa dạng hóa hoạt động kinh tế hộ tương đối cao. Những đặc điểm của hộ gia đình ảnh hưởng đến khả năng đa dạng hóa nguồn thu nhập của gia đình bao gồm tuổi và học vấn của chủ hộ, kết quả phân tích nhị biến và đa biến cho thấy những gia đình do chủ hộ trẻ tuổi hơn và học vấn cao hơn có xác suất đa dạng hóa kinh tế hộ gia đình hơn. Khi tính đến các tác động của các yếu tố khác, yếu tố giới tính và nghề nghiệp của chủ hộ không có ảnh hưởng đến khả năng đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình. Kết quả phân tích cũng cho thấy, tỷ lệ phụ thuộc và thu nhập của hộ gia đình làm tăng khả năng tham gia của hộ gia đình vào hoạt động phi nông nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế đã làm tăng cơ hội việc làm ở nông thôn, 68% thành viên gia đình từ 10 tuổi trở lên ở địa bàn nghiên cứu đã tham gia lao động đóng góp thu nhập trong năm trước thời điểm khảo sát. Kết quả phân tích cho thấy tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới ngày càng tăng và đã bằng nam giới. Tuổi và học vấn của các thành viên gia đình có ảnh hưởng đến sự tham gia lao động của họ, những người lớn tuổi hơn và có học vấn cao hơn có tỷ lệ tham gia làm việc cao hơn. Ngược lại, những yếu tố liên quan đến hộ gia đình như mức sống, loại hình kinh tế hộ lại không có ảnh hưởng đến sự tham gia lao động của các thành viên gia đình. Đây là một kết quả khả quan, dù thuộc gia đình khá giả, trung bình hay nghèo; loại hình gia đình làm nông nghiệp hay hỗn hợp thì các thành viên đều phải tham gia làm việc như nhau. ■

Tài liệu tham khảo

- Bùi Quang Dũng. 2007. *Xã hội học nông thôn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Bùi Thái Quyên. 2002. Giáo dục và thu nhập. In trong *Mức sống hộ gia đình trong thời kỳ bùng nổ nền kinh tế*. D. Houghton và cộng sự (biên tập). Hà Nội: UNDP và Nxb. Thống kê.
- Đặng Cảnh Khanh và cộng sự. 2007. *Gia đình học*. Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị.
- Chu Tiến Quang và cộng sự. 2007. “Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam qua một số kết quả nghiên cứu và điều tra”. Tạp chí *Quản lý kinh tế*, số 14.
- FAO/UNDP. 2002. *Khác biệt giới trong nền kinh tế chuyển đổi*. Hà Nội: Tổ chức Nông nghiệp – Lương thực và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc.
- Hoàng Văn Kinh và những người khác. 2002. Yếu tố quyết định thu nhập từ lao động. In trong *Mức sống hộ gia đình trong thời kỳ bùng nổ nền kinh tế*. D. Houghton và cộng sự (biên tập). Hà Nội: UNDP và Nxb. Thống kê.
- Lê Bạch Dương và những người khác. 2005. *Bảo trợ xã hội cho những nhóm thiệt thòi ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- N. Henaff và J. Martin. 2001. Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm Đổi mới. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- Ngân hàng Thế giới. 2007. *Tăng cường Nông nghiệp cho phát triển*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa – Thông tin.
- Nguyễn Đức Truyền. 2002. Kinh tế hộ gia đình và các quan hệ xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Hồng. In trong *Gia đình trong tám gương xã hội học*. Mai Quỳnh Nam (chủ biên). Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Đức Truyền. 2003. *Kinh tế hộ gia đình và các quan hệ xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Hồng trong thời kỳ Đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Trần Thị Vân Anh. 2008. Đóng góp kinh tế của các thành viên gia đình. In trong *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (chủ biên). Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Viện Kinh tế học. 1995. *Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam. 1991. *Người phụ nữ và gia đình Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Vũ Đức Khánh và những người khác. 2002. Lao động và việc làm. In trong *Mức sống hộ gia đình trong thời kỳ bùng nổ nền kinh tế*. D. Houghton và cộng sự (biên tập). Hà Nội: UNDP và Nxb. Thống kê.